

Điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam hội nhập quốc tế trong 4 năm gần đây và khuyến nghị cho giai đoạn tới

NGUYỄN ĐẮC HƯNG

Kể từ khi Việt Nam chính thức là thành viên WTO cho đến nay là giai đoạn hệ thống ngân hàng Việt Nam phải thực hiện nhiều cam kết nhất, thời cơ và thách thức của hội nhập bộc lộ rõ nhất, đặc biệt là cam kết về thực hiện lộ trình mở cửa thị trường dịch vụ tài chính. Bài viết trình bày nội dung điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng hội nhập quốc tế trong khoảng 4 năm gần đây (2012-2015) và đề xuất một số khuyến nghị nhằm ổn định thị trường tiền tệ trong thời gian tới.

Từ khóa: điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng, hội nhập 4 năm.

1. Cơ sở lý thuyết và khung nghiên cứu

Chính sách tiền tệ (CSTT) được hiểu là một trong số các chính sách kinh tế vĩ mô hàng đầu của Nhà nước, mà Ngân hàng Trung ương thông qua các công cụ của CSTT và nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương thực hiện việc kiểm soát và điều tiết khối lượng tiền cung ứng, nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ nhất định (GDP, CPI, việc làm). Khái niệm hay cách hiểu khác theo Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chính sách tiền tệ là các quyết sách về tiền tệ ở tầm quốc gia nhằm thực mục tiêu ổn định tiền tệ. Mục tiêu của chính sách tiền tệ có 3 cấp độ: mục tiêu cao nhất, mục tiêu trung gian và mục tiêu hoạt động.

Quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng ở Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đảm nhận. Nội dung quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng khá rộng, tập trung vào cấp và thu hồi giấy phép, thanh tra giám sát, quản lý quỹ dự trữ ngoại hối, quản lý việc in và phát hành tiền...

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tổng hợp, phân tích, so sánh, khái quát và dự báo; dựa trên số liệu thứ cấp, thống kê thu thập được từ các báo cáo chính

thức về chuyên môn nghiệp vụ, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố công khai... của Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, của các ngân hàng thương mại khác... đưa ra các phân tích, đánh giá độc lập của tác giả.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội gắn với ngành ngân hàng thời gian gần đây

Thứ nhất, có thể khẳng định rằng, do tác động tích cực và bất lợi của hội nhập kinh tế quốc tế trong các năm 2007 – 2011, nền kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng bộc lộ nhiều yếu kém, do đó trong 4 năm gần đây (2012-2015), Việt Nam phải tập trung thực hiện tái cơ cấu. Trong 3 nội dung tái cơ cấu nền kinh tế: tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu đầu tư công và tái cơ cấu TCTD, thì nội dung thứ 3 đến nay có kết quả nổi bật nhất, được triển khai quyết liệt nhất và đồng bộ nhất, kể cả việc xử lý cụ thể, việc điều hành chính sách, việc hoàn thiện môi trường pháp lý, cũng như đảm bảo an toàn hệ thống, đảm bảo ổn định tiền tệ.

Nguyễn Đắc Hưng, PGS.TS., Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước diễn ra rất chậm. Giai đoạn 2011-2013, cả nước mới chỉ sắp xếp được 180 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 99 doanh nghiệp và sắp xếp theo các hình thức khác 81 doanh nghiệp. Giai đoạn 2014-2015, theo kế hoạch cả nước thực hiện cổ phần hóa 432 doanh nghiệp. Trong năm 2014 cả nước đã thực hiện sắp xếp được 167 doanh nghiệp; trong đó, cổ phần hóa 143 doanh nghiệp. Trong 8 tháng đầu năm 2015 mới thực hiện được tại 95/289 doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch năm 2015, chỉ đạt 32,8% kế hoạch.

- Về tái cơ cấu đầu tư công, tính từ thời điểm Quốc hội ban hành Nghị quyết 21 năm 2011, tổng giá trị đầu tư vào 5 lĩnh vực: bất động sản, bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, ngân hàng mà các tập đoàn, tổng công ty nhà nước cần phải thoái vốn là 23.325 tỷ đồng. Tính riêng năm 2014, đã thoái vốn 4.184 tỷ đồng, thu về 4.292 tỷ đồng. Tuy nhiên, số tiền đầu tư thêm vào 5 lĩnh vực đó là 1.401 tỷ đồng, chủ yếu do nhận và hạch toán cổ tức. Trong tổng số dư 22.362 tỷ đồng tại thời điểm 31-12-2014, đến quý I/2015 đã thoái được 2.807 tỷ đồng, thu 3.206 tỷ đồng. Số còn lại phải thoái trong năm 2015 là 19.517 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2015 có 8.390 tỷ đồng vốn nhà nước được thoái, thu về khoảng 12.380 tỷ đồng, bằng 1,48 lần giá trị sổ sách.

- Về thâm hụt ngân sách, năm 2013, thâm hụt khoảng 5,3% GDP, năm 2014 khoảng 5,9% so với GDP và năm 2015 dự báo khoảng 6,5% GDP. Đến hết tháng 8-2015, thâm hụt 115.000 tỷ đồng. Phát hành trái phiếu chính phủ đạt kết quả thấp so với kế hoạch (8 tháng: 38% kế hoạch), mặc dù lợi tức đã tăng nhẹ. Hệ số Hoán đổi rủi ro tín dụng (CDS) của trái phiếu chính phủ Việt Nam cao thứ 12 thế giới (CDS kỳ hạn 5 năm: 247,9 điểm, CDS kỳ hạn 10 năm: 309,8 điểm).

Thứ hai, triển khai tái cơ cấu TCTD được bàn đến nhiều nhất, có nhiều ý kiến nhất, thu hút lớn sự quan tâm của dư luận quốc tế... Ví dụ điển hình là việc thành lập và đưa vào hoạt động Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản các TCTD Việt Nam (VAMC) có nhiều ý kiến khác nhau. Nhưng đến nay chưa thấy có đề xuất nào ưu việt hơn để thay thế định chế tài chính này. Phân đông ý kiến thừa nhận đây là cách làm sáng tạo, có tính đặc thù, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Một số ví dụ khác, như việc ban hành và đưa vào áp dụng Thông tư 02/2013/TT-NHNN, mặc dù bị lùi thời hạn thi hành, nhưng đến nay đã được thực tiễn chấp nhận; Thông tư liên tịch số 16/2014/NHNN-TNMT-TP giữa Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài nguyên môi trường và Bộ Tư pháp, đang tạo điều kiện pháp lý thuận lợi cho các TCTD xử lý tài sản bảo đảm tiền vay

Thứ ba, tái cơ cấu TCTD là lĩnh vực phức tạp nhất vì liên quan đến quyền lợi của các cổ đông, nhất là cổ đông lớn, kể cả nhà đầu tư là tổ chức tài chính nước ngoài, đến các tập đoàn kinh tế trong nước, đến cá nhân, đến đông đảo người gửi tiền..., trong bối cảnh thị trường bất động sản trầm lắng và nhiều thời điểm đóng băng, thị trường chứng khoán đi xuống, nhưng đến nay các vấn đề đó đã được giải quyết hiệu quả. Tiền gửi vào hệ thống ngân hàng thương mại vẫn tăng trưởng ổn định, tín dụng cho nền kinh tế năm sau tăng cao hơn năm trước.

2.2. Về kết quả tổng quát

2.2.1. Ngân hàng Nhà nước đạt được mục tiêu cao nhất trong điều hành chính sách tiền tệ và quản lý hoạt động ngân hàng, đó là ổn định tiền tệ, hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng bền vững, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và hệ thống TCTD phát triển an toàn, lành mạnh

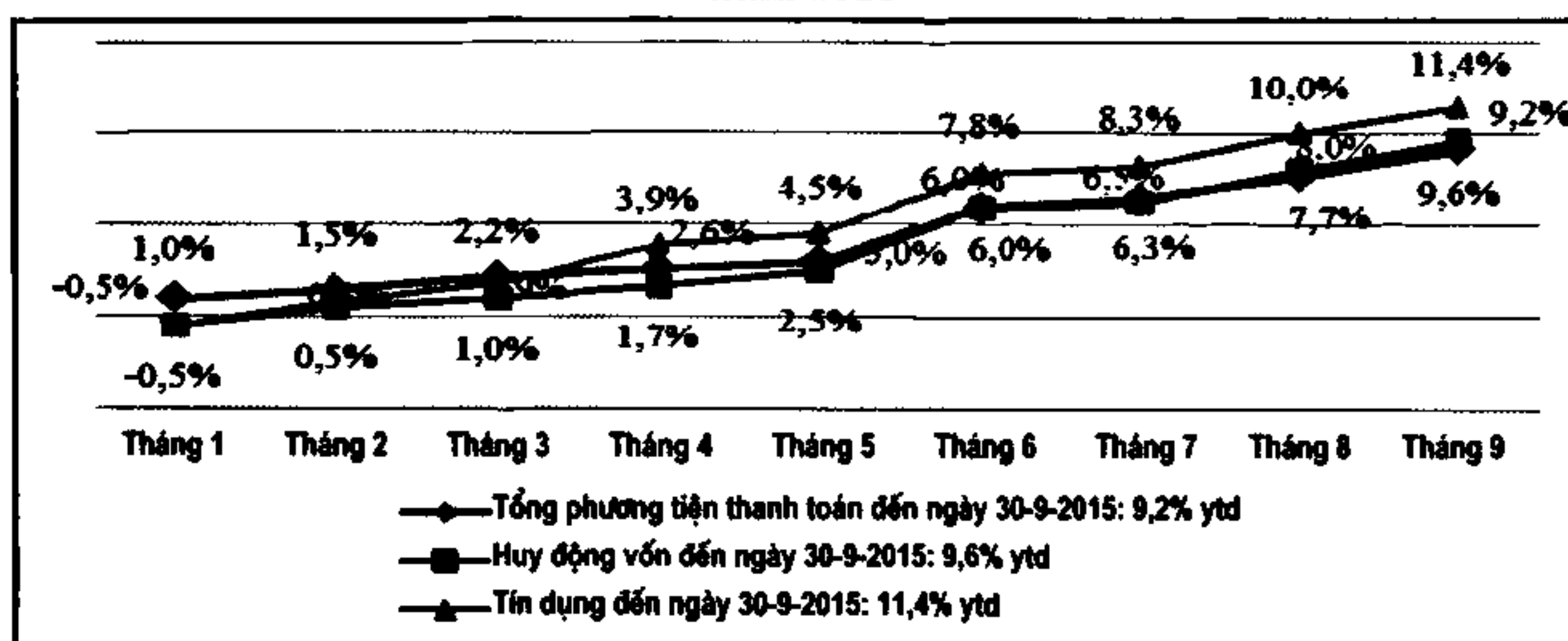
• Về thực hiện mục tiêu cao nhất trong điều hành chính sách tiền tệ:

HÌNH 1: Mối quan hệ giữa tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán, tín dụng và CPI giai đoạn 2005-2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước.

HÌNH 2: Diễn biến một số chỉ tiêu cơ bản điều hành chính sách tiền tệ 9 tháng đầu năm 2015

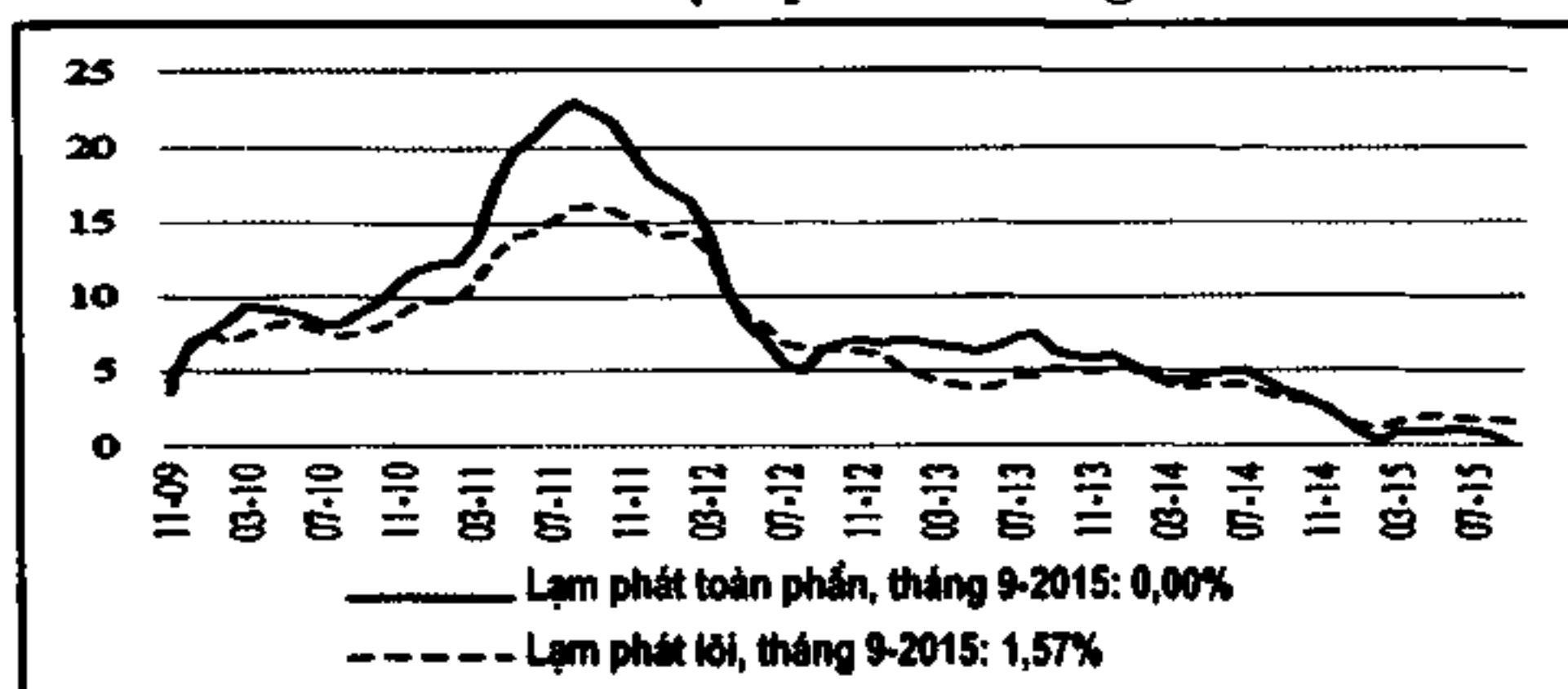


Nguồn: Tính toán từ báo cáo của Vietcombank.

CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm trước tăng 0,74%. Cũng tính 9 tháng

đầu năm 2015, tăng trưởng kinh tế đạt mức 6,5%, mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

HÌNH 3: Diễn biến lạm phát 9 tháng đầu năm 2015



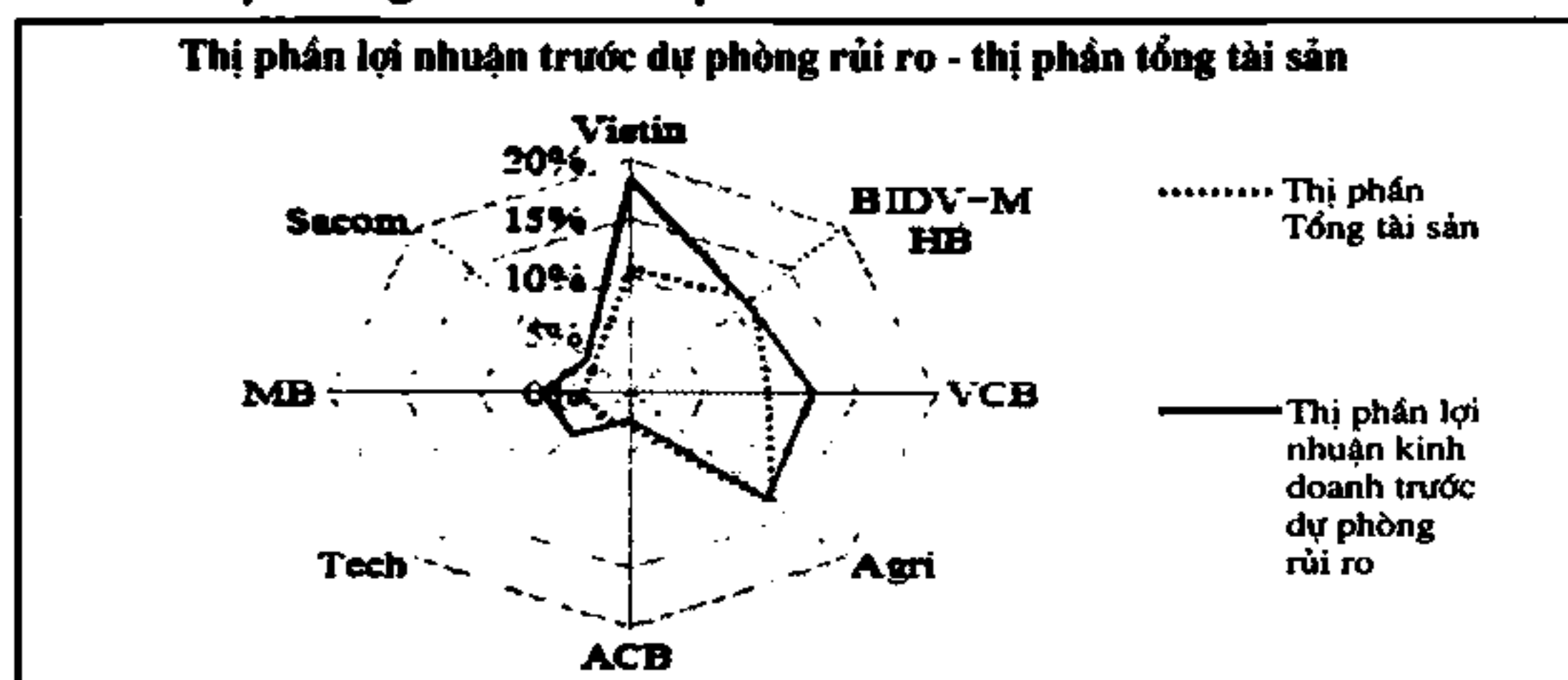
Nguồn: Tính toán từ số liệu và Tổng cục Thống kê và Báo cáo của Vietcombank.

• Hệ thống ngân hàng thương mại nâng cao năng lực cạnh tranh, trong đó các ngân hàng thương mại nhà nước và có vốn nhà nước tiếp tục giữ vị trí hàng đầu về thị phần. Hoạt động của các TCTD đóng góp tích thực hiện hiện chính sách tiền tệ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát.

- Hoạt động của các ngân hàng thương mại nói chung và phân chia thị phần trong cạnh tranh của 10 ngân hàng thương mại lớn nhất:

Sau quá trình sáp nhập, hợp nhất, Ngân hàng Nhà nước mua lại, đến nay các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động của các ngân hàng thương mại: tổng tài sản, mạng lưới, dịch vụ ngân hàng hiện đại và tiện ích đều tăng trưởng cao. Môi trường hoạt động ngân hàng nói chung, môi trường cạnh tranh nói riêng ngày càng lành mạnh hơn. Các ngân hàng thương mại về cơ bản đang cạnh tranh bình đẳng, đáp ứng nhu cầu vốn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

HÌNH 4: Một số chỉ tiêu chủ yếu về phát triển và thị phần của 8 ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam thời điểm 30-6-2015

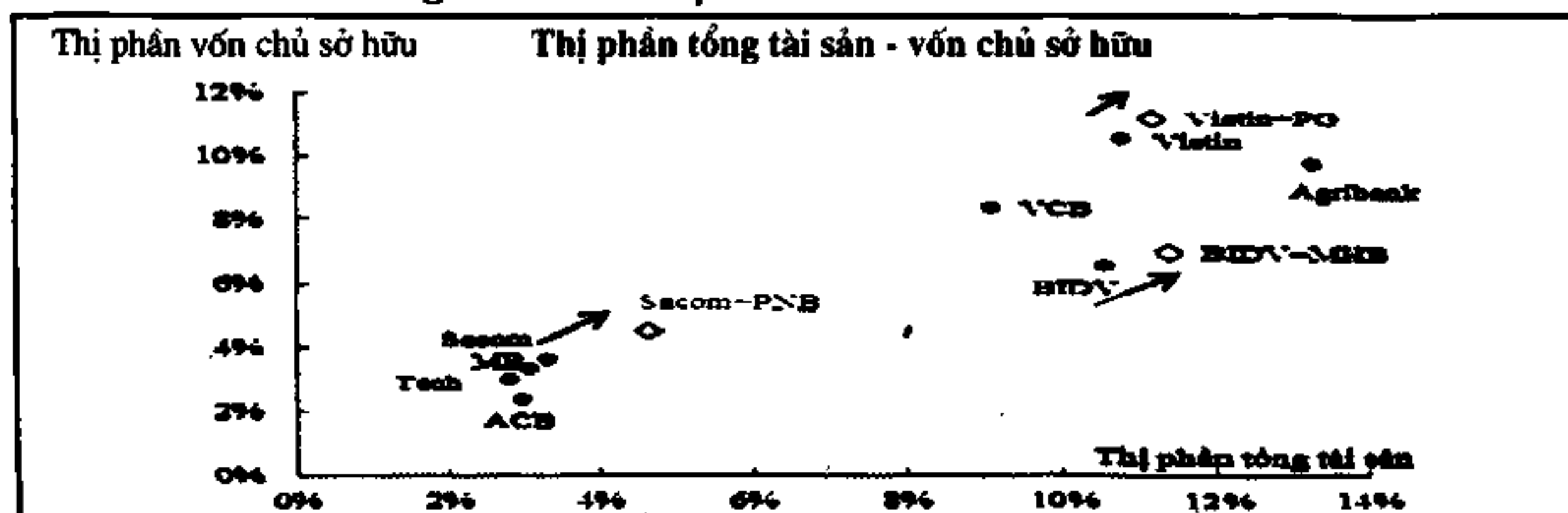


Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

Về quy mô tổng tài sản và hiệu quả kinh doanh, đó là lợi nhuận kinh doanh trước dự phòng rủi ro. Hiện nay VCB và Vietinbank đang có hiệu suất sinh lời của tổng tài sản lớn nhất ngành ngân hàng Việt Nam. Cụ thể, thị phần tổng tài sản nhỏ nhưng thị phần lợi

nhuận trước dự phòng rủi ro lớn, hầu hết các ngân hàng thương mại cổ phần có hiệu suất sinh lời của tổng tài sản lớn. BIDV sau sáp nhập MHB có hiệu suất sinh lời kém, thị phần tổng tài sản lớn nhưng thị phần lợi nhuận thấp.

HÌNH 5: Thị phần tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của 8 ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam thời điểm 30-6-2015

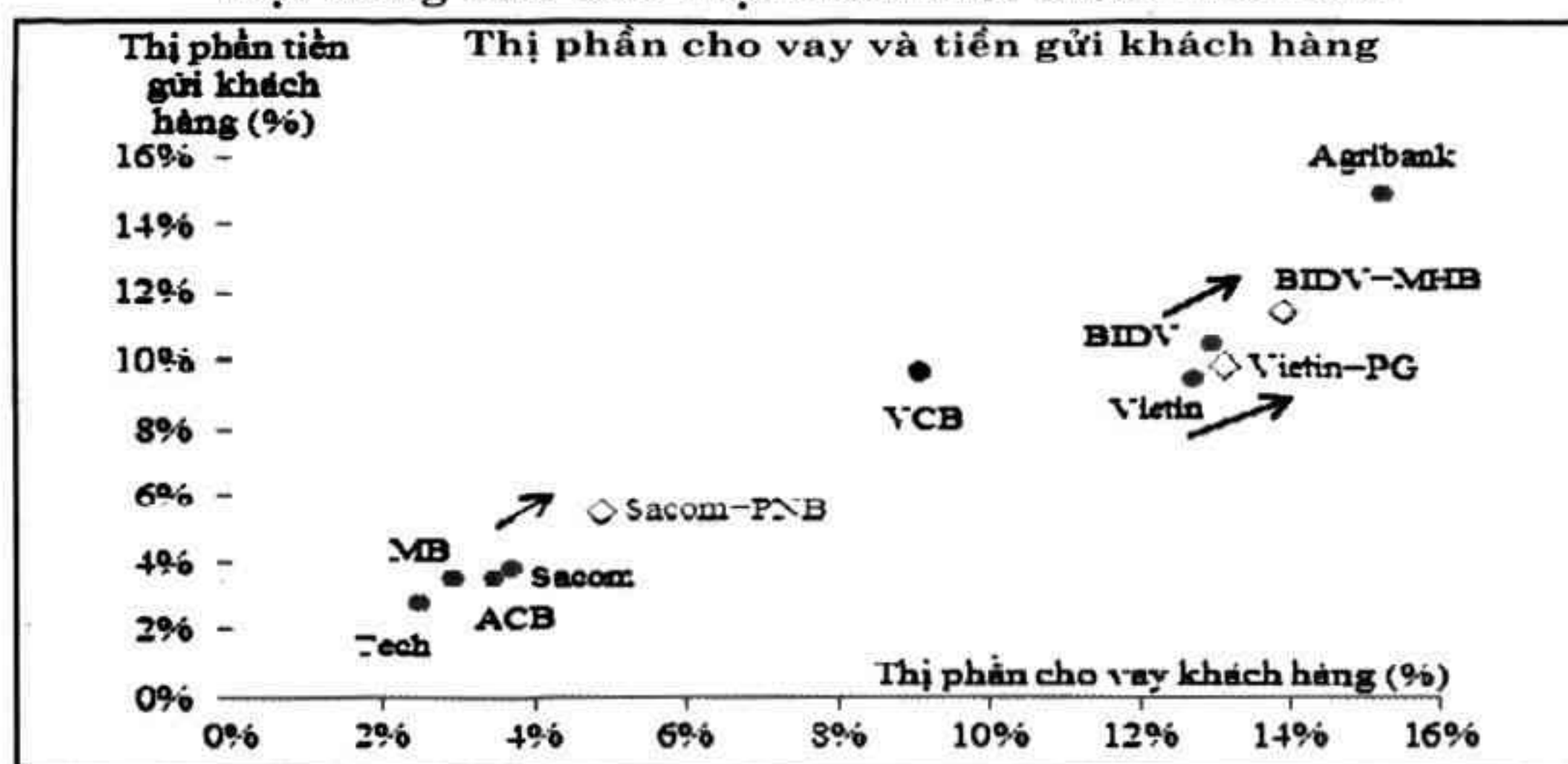


Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

Về quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, Vietinbank-PGBank đang dẫn đầu về thị

phần, tiếp theo đó là Agribank, VCB đứng thứ ba và BIDV-MHB đứng thứ tư.

HÌNH 6: Thị phần dư nợ cho vay và tiền gửi khách hàng của 8 ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam thời điểm 30-6-2015



Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

Hiện nay Agribank đang giữ vị trí thứ nhất về thị phần dư nợ cho vay và tiền gửi khách hàng, tiếp theo là BIDV-MHB, Vietinbank đứng thứ 3 và VCB đang duy trì thị phần thứ 4 về tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, tín dụng và thứ 3 về huy động trong toàn bộ các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tuy nhiên khoảng cách đang giãn rộng khi ngân hàng

thương mại đối thủ thực hiện M&A và tăng vốn. Cụ thể BIDV sáp nhập MHB; Vietin sáp nhập PG Bank. Sacombank sau sáp nhập Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Nam, tổng tài sản sẽ xấp xỉ bằng 50% tổng tài sản của VCB. Bên cạnh đó, MB dự kiến tăng vốn điều lệ lên 16.000 tỷ đồng (+38%), vốn chủ sở hữu lên tới 20.500 tỷ đồng.

BẢNG 1: Một số chỉ tiêu chủ yếu về phát triển mạng lưới của 10 ngân hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam thời điểm 30-6-2015

30-6-2015	Vietinbank	BIDV+ MHB	VCB	Agribank	ACB	Techcom bank	MB	Sacom	VPbank	Eximbank
Tổng số SN	151	181	90	940	81	312	73	75	44	44
Tổng số phòng giao dịch	>1000	782	350	1333	265		148	341	165	163
Số máy ATM	1,905	1,495	2,100	2,300	542	1,231	516	850	400	260
Điểm chấp nhận thẻ	57,950	14,344	49,500	10,350	2,400	1,422	1,275	4,650	725	5,898

Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

Sau sáp nhập MHB, BIDV tăng thêm 44 chi nhánh và 187 PGD, trở thành ngân hàng thương mại có mạng lưới đứng thứ ba sau Agribank và Vietinbank; đồng thời tăng mạnh

nhân sự, số lượng cán bộ chỉ thấp hơn Agribank. Về mạng lưới ATM – POS: VCB đứng sau Agribank về số máy ATM và sau Vietinbank về số POS.

- Hoạt động của khối ngân hàng thương mại cổ phần ngày càng lành mạnh hơn:

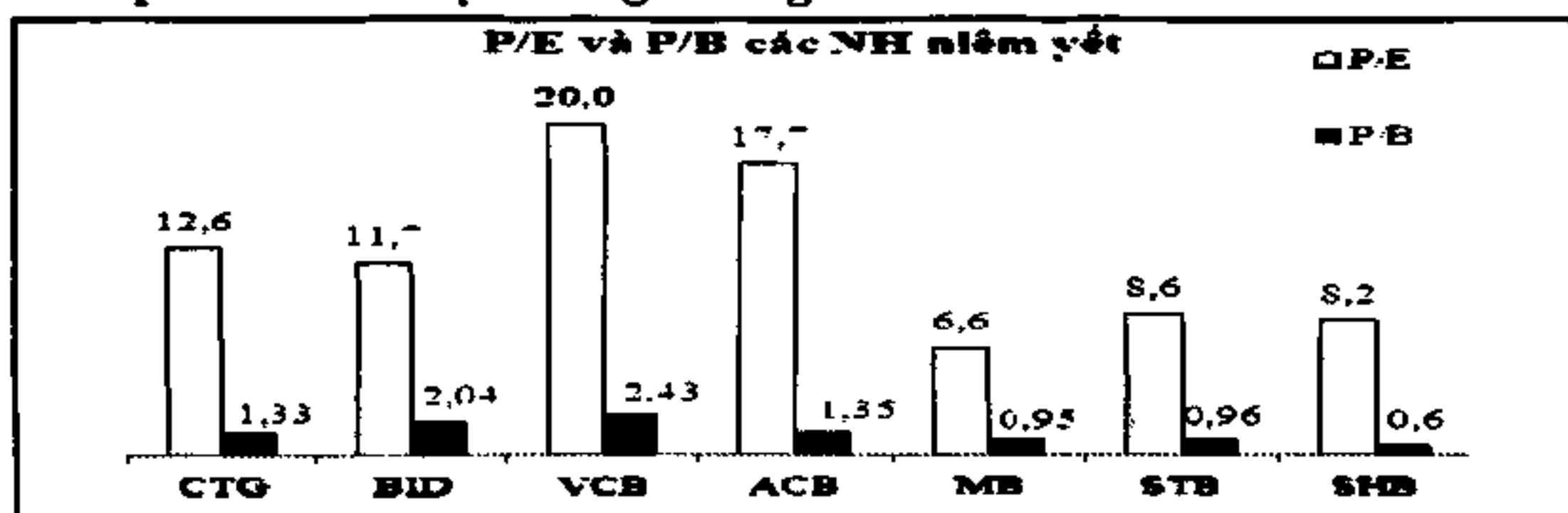
Một trong mối quan tâm lớn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước nói riêng, sự quan tâm của dư luận nói chung trong thời gian qua đó là các ngân hàng thương mại cổ phần, thì đến nay khối này cũng đã đạt được những kết quả phát triển vững chắc sau hơn 3 năm cơ cấu lại, có thể là minh chứng điển hình.

Tính đến tháng 8-2015, vốn điều lệ của khối ngân hàng thương mại cổ phần đã đạt 186.200 tỷ đồng, tăng 2,79% so với 12-2014,

tăng 3,98% so với 12-2013, tăng 11,06% so với 12-2012 và tăng 20,69% so với 12-2011; chiếm 41,4% tổng vốn điều lệ toàn hệ thống TCTD.

Dư nợ cho vay của khối ngân hàng thương mại cổ phần tăng liên tục trong giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng hàng năm tương ứng lần lượt là 30,85%; 6,10%; 20,13%; 17,17%; tháng 8-2015 tăng 10,53% so với năm 2014 (tăng 65,07% so với 2011). Thị phần tín dụng vẫn tiếp tục ở mức cao với tỷ trọng 40,13% tại thời điểm tháng 8-2015 (năm 2011 là 37,47%).

HÌNH 7: Chỉ số P/E và P/B của 7 ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thời điểm 30-6-2015

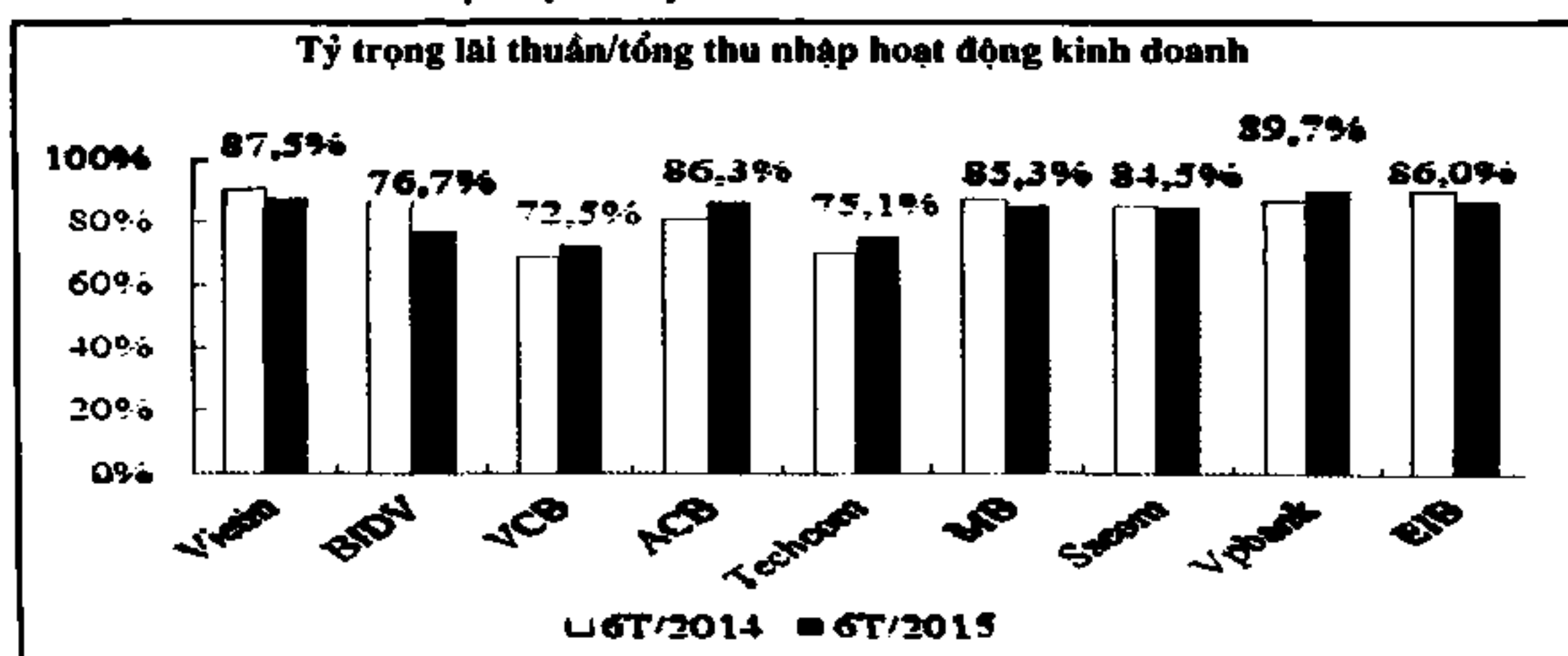


Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

Ba ngân hàng thương mại nhà nước đã được cổ phần hóa và ACB có chỉ số cao nhất trong số

các ngân hàng thương mại đang niêm yết, trong đó VCB dẫn đầu, tiếp theo đó là ACB.

HÌNH 8: Một số chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của 9 ngân hàng thương mại cổ phần được lựa chọn thời điểm 30-6-2015



Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

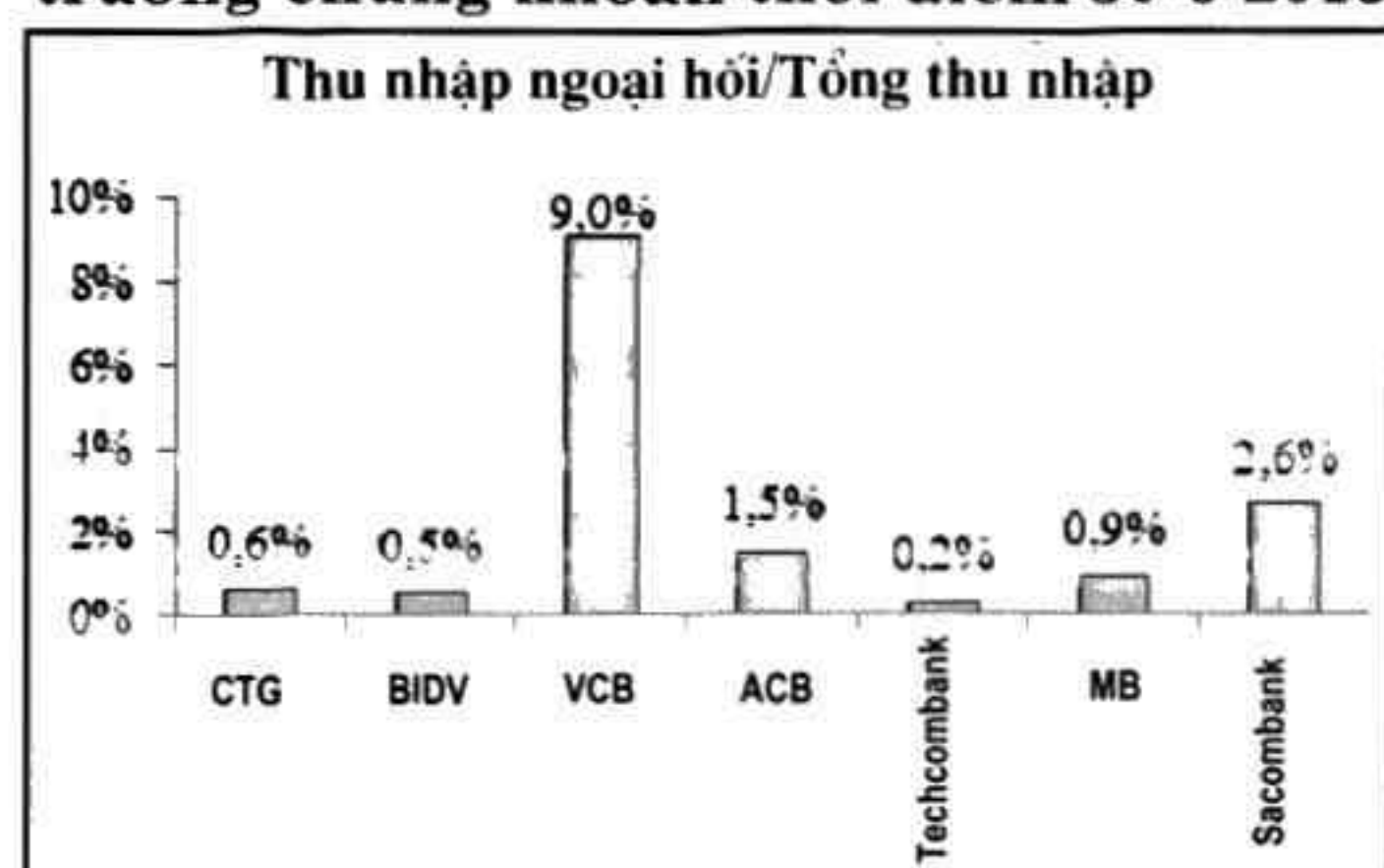
Trong số 9 ngân hàng thương mại cổ phần nói trên thì cơ cấu thu nhập VCB đa dạng hơn các ngân hàng thương mại khác, tức đa dạng

hóa dịch vụ phi tín dụng, phân tán rủi ro trong kinh doanh. Các ngân hàng thương mại khác đều nỗ lực giảm tỷ trọng thu nhập từ lãi, đa

dạng hóa nguồn thu, tăng cường các hoạt động dịch vụ, thu phí. Một số ngân hàng thương mại cổ phần ít phụ thuộc vào thu nhập từ lãi đang có khuynh hướng tăng tỷ trọng thu nhập lãi khi đẩy mạnh cho vay, như: Techcombank, VP Bank, ACB.

Phân tích riêng về lĩnh vực kinh doanh ngoại hối giữa 7 ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam có thể thấy rõ ở hình 9.

HÌNH 9: Hiệu quả kinh doanh ngoại hối của 7 ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thời điểm 30-6-2015



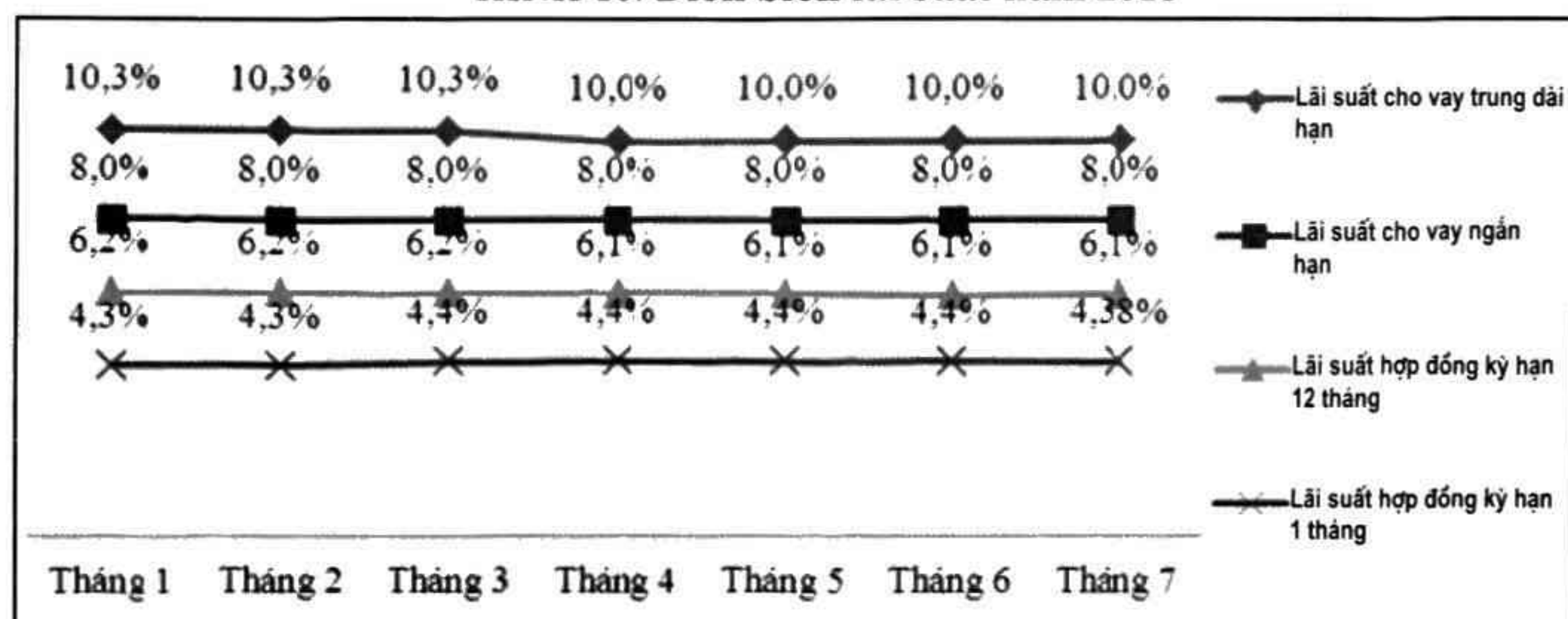
Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

Hiện nay Vietcombank đang duy trì vị thế dẫn đầu thị trường về hiệu quả kinh doanh ngoại hối, thể hiện tỷ trọng thu nhập từ lĩnh vực này trong tổng thu nhập của ngân hàng. Thu nhập ngoại hối Vietcombank bằng 202% tổng thu nhập ngoại hối của 6 ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết khác cộng lại.

2.2.2. Ngân hàng Nhà nước đạt được mục tiêu trung gian trong điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, đó là lãi suất giảm dần và ổn định, tỷ giá cũng ổn định và nằm trong tầm kiểm soát

Nếu như lãi suất trên thị trường: lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay của các TCTD năm 2011 còn ở mức rất cao thì từ đầu năm 2012 đã giảm dần trong các năm 2013-2014, khá ổn định và giảm nhẹ trong năm 2015. Các mức lãi suất hiện nay thấp nhất trong hơn 10 năm qua. Lãi suất tiền gửi nội tệ có kỳ hạn 1 năm xoay quanh mức 4-5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn xoay quanh mức 6-6,5%/năm. Đặc biệt là lãi suất tiền gửi ngoại tệ tại các TCTD của khách hàng giảm xuống còn 0% đối với tổ chức và 0,25% đối với cá nhân.

HÌNH 10: Diễn biến lãi suất năm 2015



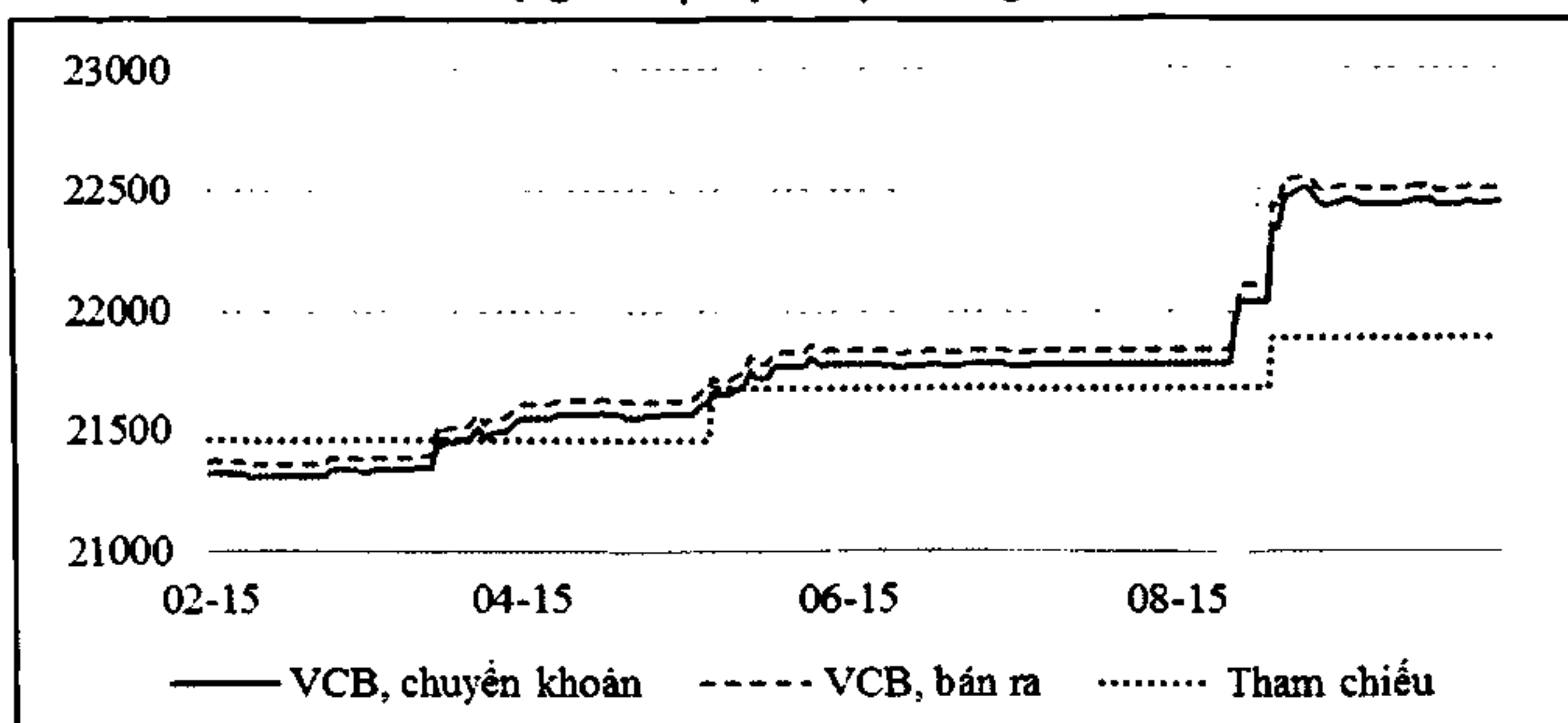
Nguồn: Tính toán từ số liệu của các ngân hàng thương mại và Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank.

Về tỷ giá VND/USD, chỉ tính riêng trong năm 2015, mặc dù có những tác động khác

nhau của thị trường quốc tế cũng như diễn biến vĩ mô trong nước, nhưng Ngân hàng Nhà

nước vẫn chủ động, linh hoạt điều hành tỷ giá theo mục tiêu đề ra (hình 11).

HÌNH 11: Diễn biến tỷ giá được lựa chọn trong 9 tháng đầu năm 2015



Nguồn: Tính toán từ báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank

Việc giảm dần lãi suất, chủ động điều hành linh hoạt và ổn định tỷ giá, tạo môi trường đầu tư ổn định cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhưng vẫn khuyến khích người gửi tiền vào các TCTD, hạn chế tình trạng đôla hóa.

Các quy định quản lý ngoại hối, quản lý vay nợ nước ngoài, kiểm soát các luồng ngoại tệ chuyển ra và chuyển vào được thực hiện chặt chẽ, theo hướng hạn chế tình trạng đôla hóa và thực hiện mục tiêu điều hành tỷ giá đã đề ra, phù hợp dần với thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam, tạo điều kiện cho thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển lợi nhuận về nước, rút vốn, đầu tư trên thị trường chứng khoán.

2.2.3. Ngân hàng Nhà nước thành công lớn trong thực hiện được mục tiêu trực tiếp của đề án tái cơ cấu hay thực hiện có hiệu quả các giải pháp của đề án tái cơ cấu TCTD

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính đến nay có 17 TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giảm thông qua sáp nhập, hợp nhất, rút giấy phép, đặc biệt là các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém. Mới đây

nhất là thương vụ sáp nhập giữa Sacombank và Southern Bank.

Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo nợ xấu được xử lý quyết liệt và đạt được mục tiêu đề ra. Theo đánh giá và xác định của Ngân hàng Nhà nước, thì nợ xấu của các đến cuối tháng 9-2012 là gần 465.000 tỷ đồng, tương đương 17,21% tổng dư nợ. Đến hết tháng 9-2015 tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD là 2,9% so với tổng dư nợ, đạt mục tiêu đề ra.

3. Kết luận và hàm ý chính sách

3.1. Dự báo và hàm ý chính sách thời gian tới

3.1.1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện lộ trình sớm hơn tiến tới chuyển sang thực hiện các công cụ gián tiếp của chính sách tiền tệ, tuy nhiên nếu thị trường có những diễn biến bất thường vẫn có thể chủ động sử dụng công cụ trực tiếp, biện pháp hành chính để đảm bảo yêu cầu cao nhất là phát triển ổn định nền kinh tế

Dự báo trong thời gian tới thị trường tiền tệ tiếp tục ổn định. Đông đảo người dân vẫn tin tưởng gửi tiền và tất cả các ngân hàng thương mại khác nhau, kể cả các ngân hàng thương mại cổ phần được nhà nước mua lại,

sáp nhập... Tuy nhiên lãi suất tiền gửi nội tệ của các kỳ hạn có sự "phân loại" nhất định của môi trường cạnh tranh. Các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại nhà nước đã cổ phần hóa, có mạng lưới rộng, có uy tín... nên lãi suất một số kỳ hạn thấp hơn; các ngân hàng thương mại cổ phần phải cơ cấu mạnh, có thương hiệu hạn chế hơn, lãi suất cao hơn.

Lãi suất cho vay nội tệ có thể sẽ giảm nhẹ nếu như môi trường kinh tế vĩ mô không có biến động bất thường. Tuy nhiên lãi suất cho vay cũng có tính cạnh tranh, có tính phân loại khách hàng. Những khách hàng được ngân hàng thương mại đánh giá tốt sẽ có lãi suất cho vay thấp hơn những doanh nghiệp uy tín không vững chắc. Lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại có uy tín, có lợi thế về huy động vốn sẽ có một số mức lãi suất cho vay khách hàng truyền thống thấp hơn.

Tỷ giá cũng sẽ ổn định nếu như không có biến động bất thường lớn trên thị trường thế giới và khu vực, tình trạng đô la hóa tiếp tục giảm.

3.1.2. Ngân hàng Nhà nước tăng cường và tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra giám sát ngân hàng theo các tiêu chuẩn quốc tế, gắn liền với đó là tiếp tục hoàn thiện các quy định phát luật và quản lý tiền tệ, hoạt động ngân hàng, nâng cao chất lượng cán bộ thanh tra và chất lượng thanh tra giám sát.

Hoạt động mua bán lại, sáp nhập TCTD không diễn ra như các năm qua. Tuy nhiên việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu và hoạt động đầu tư vào ngân hàng thương mại cổ phần sẽ diễn ra thường xuyên hơn trên thị trường chứng khoán. Do đó, hoạt động quản lý nhà nước đối với các ngân hàng thương mại và TCTD nói chung cần chuyển hướng mạnh hay tập trung vào các nội dung được đề cập nói trên.

3.1.3. Chính phủ tạo điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước tăng cường hỗ trợ các TCTD tiếp tục xử lý nợ xấu theo nguyên

tắc thị trường; các TCTD chính mình phải chủ động phòng ngừa, ngăn chặn nợ xấu thông qua nâng cao năng lực quản trị điều hành, đặc biệt là quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế

Nợ xấu sẽ được giải quyết trên cơ sở yếu tố thị trường nhiều hơn, dựa trên cơ sở thị trường bất động sản ấm lên, hành lang pháp lý hoàn thiện hơn. Nợ xấu phát sinh mới sẽ giảm hẳn nhờ những bài học đã được các TCTD rút ra trong quá trình tái cơ cấu và các biện pháp quản trị điều hành được nâng lên trong quá trình tái cơ cấu, môi trường kinh tế vĩ mô tiếp tục thuận lợi.

Theo kinh nghiệm quốc tế, để xử lý nhanh nợ xấu, cần có các điều kiện tiên quyết là Chính phủ dành vốn cần thiết cho xử lý nợ xấu; khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm hoàn chỉnh, đồng bộ; kinh tế vĩ mô ổn định, sản xuất kinh doanh có triển vọng tốt; có thị trường tài chính, thị trường mua bán nợ phát triển; có hệ thống khuyến khích, thu hút nhà đầu tư tham gia vào việc xử lý nợ xấu.

Để xử lý nợ xấu một cách triệt để, bền vững, ngăn chặn nguy cơ nợ xấu quay trở lại đòi hỏi cần có sự tham gia, hỗ trợ tích cực của các cơ quan, bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong việc phục hồi, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, xử lý hàng tồn kho, xử lý nợ trong xây dựng cơ bản, thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản...

3.1.4. Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tạo môi trường cạnh tranh hoạt động ngân hàng sôi động hơn, lành mạnh hơn, đáp ứng nhu cầu nền kinh tế hội nhập rộng hơn trong thời gian tới

Tiếp tục cho phép các nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần mới trong các ngân hàng thương mại chưa có nhà đầu tư nước ngoài, tăng tỷ lệ sở hữu của đối tác nước ngoài trong các ngân hàng thương mại cổ phần; tiếp tục lựa chọn cho phép mở Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Nhà nước nên giảm tỷ lệ sở hữu trong các ngân hàng thương mại cổ phần hiện nay, chỉ nên giữ tối đa tỷ lệ 51% trong khoảng 2 ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó tiếp tục rà soát lại các quy định pháp luật đảm bảo cạnh tranh bình đẳng và sôi động hơn giữa các ngân hàng thương mại.

Chính phủ cần tái cơ cấu mạnh hơn đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như tín dụng nhà nước; mở rộng hoạt động và nâng cao vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, hỗ trợ phát triển bền vững hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

3.1.5. Điều hành chính sách tiền tệ và quản lý hoạt động ngân hàng cần hướng vào việc khai thác lợi thế của Việt Nam gia nhập TPP

Trong điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chuyển dần sang các công cụ gián tiếp, nên có định hướng sử dụng các công cụ: dự trữ bắt buộc, cho vay tái cấp vốn... hướng dòng vốn ưu tiên vào lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vào chế biến nông lâm thủy hải sản theo tiêu chuẩn quốc tế.

Trong quản lý hoạt động ngân hàng cần hướng các ngân hàng thương mại tiếp tục mở

rộng mạng lưới ở nông thôn, tiếp tục đầu tư hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, mở rộng các dịch vụ ngân hàng tiện ích và hiện đại.

Cần tiếp tục phát triển về chất lượng hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, cơ cấu lại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và tái cơ cấu tín dụng nhà nước, mở rộng hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thường niên năm 2013- 2014; Báo cáo sơ kết sơ kết 6 tháng đầu năm 2015 của Vietcombank và các ngân hàng thương mại được lựa chọn.
2. Báo cáo hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng quý năm 2013,2014 và 9 tháng năm 2015 của Vietcombank và các ngân hàng thương mại được lựa chọn.
3. Tổng cục Thống kê: www.gso.gov.vn
4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: www.sbv.gov.vn
5. www.vneconomy.com.vn
6. Trang web của các ngân hàng thương mại được lựa chọn, để cập.
7. Sameer Goya (2011), Tái cơ cấu ngân hàng có vấn đề, Các bài học từ kinh nghiệm toàn cầu, Ngân hàng Thế giới, tháng 12.